

Bản án số: 40/2018/HS-PT

Ngày: 05/4/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Ông Bạch Đăng Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 240/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn N**, sinh năm: 1979; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; dân tộc: Hoa; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá: 01/12; con ông Ngô Văn S (tên gọi khác: Ngô Cháu S) và con bà Nguyễn Thị N (tên gọi khác là N); có vợ: Lục Thị B và có 02 con; tiền sự: không;

Tiền án: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2012/HSST ngày 19/10/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt Ngô Văn N 12 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” thời gian thử thách 24 tháng; tại Bản án hình sự phúc thẩm số 14/2013/HSPT ngày 01/3/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2017 đến ngày 25/9/2017, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú (có mặt).

Ngoài ra, còn có 34 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thời gian khoảng tháng 4/2014, Ngô Văn N, sinh năm 1979, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang có làm thuê bốc vác tại tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian này, Ngô Văn N quen biết một người phụ nữ có tên là M và M hỏi Ngô Văn N có muốn sang Trung Quốc làm thuê M sẽ đưa sang để làm việc tại Công ty chế biến Hải Sản ở tỉnh Phúc Kiến- Trung Quốc, lương ăn theo sản phẩm, mỗi tháng được khoảng 2000NDT. N đồng ý và được M đưa vượt biên trái phép sang tỉnh Phúc Kiến - Trung Quốc làm ở Công ty chế biến hải sản do người phụ nữ tên V người Việt Nam lấy chồng người Trung Quốc làm quản lý. Ngô Văn N làm thuê tại đây cho đến cuối tháng 10/2014 được M đưa vượt biên về Việt Nam. Trước khi Ngô Văn N về Việt Nam, V có đặt vấn đề với Ngô Văn N về Việt Nam tìm người đưa sang Trung Quốc làm tại Công ty của V, chi phí đi là 3.000.000 đồng/người, nếu ai không có đủ tiền thì nộp trước 1.000.000 đồng, số tiền còn lại khi sang Trung Quốc làm được lương sẽ trừ vào lương, nếu Ngô Văn N tìm được người đưa sang thì cứ liên hệ với M, M sẽ tổ chức đưa sang. V hứa sẽ trả công vào chủ (tiền công đưa người) cho Ngô Văn N là 150NDT/người/tháng, Ngô Văn N nhất trí. Sau khi về Việt Nam, Trong năm 2015, Ngô Văn N đã tìm rủ đưa 05 chuyến với 50 lượt lao động vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê, cụ thể như sau:

Chuyến thứ nhất: Vào ngày 03/02/2015 âm lịch (tức ngày 22/3/2015 dương lịch), Ngô Văn N đã tìm rủ được 10 người để đưa sang Trung Quốc gồm: Tống Thị Đ, sinh năm 1978 trú tại thôn ĐG, xã Đ, huyện L; Ngô Văn H, sinh năm 1982 trú tại thôn TH, xã T, huyện L; Ngô Thị V1, sinh năm 1989 trú tại thôn Tp, xã X, huyện L; Leo Văn H1, sinh năm 1996; Leo Thị H2, sinh năm 1998; Bàng Thị P, sinh năm 1994 đều ở thôn H, xã Q, huyện L và một người tên H3 là người yêu của H; một người tên T1 ở xã P, huyện L và 02 người em của T1 nhưng không rõ tên tuổi, địa chỉ. Sau khi tìm rủ được số lao động trên, N hẹn ngày giờ đi và thuê xe ô tô 12 chỗ ngồi của một người không quen biết đón đưa các lao động đến khu vực cửa khẩu C, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đến nơi N điện thoại liên hệ với M để M đón đưa N và các lao động vượt biên sang Trung Quốc bằng đường mòn. Sau khi sang đến Trung Quốc, M bố trí xe đón đưa N và các lao động đến Công ty chế biến Hải Sản ở Phúc Kiến - Trung Quốc làm. Chuyến này N được V trả công cho 1.500NDT tiền công đưa lao động. Về chi phí chuyến này N thu của mỗi lao động 1.000.000 đồng, được tổng số tiền 8.000.000 đồng (riêng chị V và chị Đ không có tiền nên nợ lại toàn bộ), N trả

tiền thuê xe từ huyện L đến Lạng Sơn hết 1.200.000 đồng, còn lại số tiền 6.800.000 đồng N đưa cả cho M. Số tiền 2.000.000 đồng của các lao động còn lại khi các lao động sang Trung Quốc được nhận lương tháng thứ nhất N trừ vào tiền lương, số tiền thu được N đưa toàn bộ cho V.

Chuyến thứ 2: Khoảng tháng 02/2015 âm lịch, sau khi N đưa các lao động ở chuyến thứ nhất sang Trung Quốc làm được một thời gian thì có anh Sái Văn N1, sinh năm 1988 trú tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang gọi điện thoại cho N bảo N đưa N1 và vợ N1 là chị Cam Thị H4, sinh năm 1988 sang Trung Quốc làm thuê, N bảo N1 tìm rủ thêm người để N tổ chức đưa sang cho đủ chuyến, N1 nhất trí. Sau đó anh N1 đã tìm rủ thêm được 10 người gồm: Nông Thị H5 sinh năm 1960; La Thị X, sinh năm 1996; La Thị C, sinh năm 1999; Cam Thị N2, sinh năm 1985 đều trú tại thôn TM, xã T, huyện L; Vi Thị T2, sinh năm 1991; Vi Thị N3, sinh năm 1979; Hoàng Thị L, sinh năm 1990 đều trú tại thôn Đ, xã T, huyện L; Hoàng Thị D, sinh năm 1981 trú tại thôn P, xã Đ, huyện L; Nghiêm Thị T3, sinh năm 1990; Bàn Thị T4, sinh năm 1994 đều trú tại thôn TG, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi tìm rủ được số người trên anh N1 thông báo lại cho N biết để N tổ chức đưa đi. Ngoài ra N còn gọi điện cho anh Phạm Đình T5, sinh năm 1986 trú tại thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang (là em rể của N) bảo anh T5 có muốn sang Trung Quốc lao động N sẽ đưa đi, T5 nói T5 muốn sang Trung Quốc làm về xây dựng, N đồng ý. Sau đó anh T5 có rủ thêm anh Phạm Công L1, sinh năm 1987 trú ở cùng thôn cùng sang Trung Quốc, anh L1 nhất trí. Sau khi tập hợp được số người trên (14 người), N thuê xe ô tô và liên lạc với M thuê M đưa vượt biên trái phép sang Trung Quốc. Trước khi đi N nhờ N1 thu hộ tiền của các lao động, nếu ai chưa đủ tiền thì thu mỗi người 1.000.000 đồng, riêng anh L1 và anh T5 do đi làm ở công trường xây dựng phải đi xa hơn nên thu mỗi người 3.500.000 đồng, đồng thời N cho anh N1 số điện thoại của M bảo N1 khi nào đến thành phố Lạng Sơn liên lạc với M để M đón đưa vượt biên sang Trung Quốc. Ngày 12/02/2015 âm lịch (tức ngày 31/3/2015 dương lịch) xe ô tô do N thuê đón các lao động rồi đưa đến khu vực cửa khẩu CM, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, M bố trí một người đàn ông tên M ra đón và đưa các lao động vượt biên bằng đường mòn sang Ái Điểm - Trung Quốc rồi bắt xe ô tô cho các lao động đi đến Ninh Minh rồi từ Ninh Minh bắt xe để các lao động đến tỉnh Phúc Kiến. Năm đón các lao động ở Phúc Kiến và đưa 12 lao động vào Công ty chế biến Hải sản ở Phúc Kiến làm, riêng anh T5 và anh L1 được N bố trí đưa sang công trường xây dựng do một người Việt Nam tên D1 quản lý để làm. Chuyến này N được V trả cho tiền công đưa các lao động sang là 1.000 NDT. Về chi phí chuyến này anh N1 thu hộ N tiền của 10 lao động và anh N1

nộp tiền của hai vợ chồng mỗi người 1.000.000 đồng được tổng số tiền 12.000.000 đồng, thu của anh T5 và L1 mỗi người 3.500.000 đồng được tổng số tiền 7.000.000 đồng, ngoài ra anh N1 còn nhận hộ N số tiền 15.000.000 đồng do vợ N gửi cho, tổng cộng được 34.000.000 đồng, số tiền này anh N1 trả tiền thuê xe lên Lạng Sơn hộ N hết 1.200.000 đồng, số tiền còn lại anh N1 đưa toàn bộ cho người đàn ông đưa biên theo lời dặn của N. Số tiền 2.000.000 đồng các lao động còn thiếu khi sang Trung Quốc làm được trả lương tháng đầu tiên N thu của mỗi lao động 600NDT trả cho V.

Chuyến thứ 3: Khoảng đầu tháng 6/2015 âm lịch N về Việt Nam để thu hoạch vải thiều, trước khi về N được chị La Thị C là lao động của chuyến trước cho số điện thoại của chị Chúng Thị K, sinh năm 1984, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L bảo N về liên hệ với chị K để đưa chị K và hai người chị em khác của C là Hoàng Thị G, sinh năm 1984 trú tại thôn Đ, xã T, huyện L và Hoàng Thị D2, sinh năm 1979 trú tại thôn Hi, xã Q, huyện L sang Trung Quốc lao động cùng C. Khi về Việt Nam, N đã liên hệ với chị K và rủ đi Trung Quốc. Ngoài ra trong quá trình N ở nhà đi bán vải thiều N có gặp 07 người ở các huyện B, thành phố Hà Nội và tỉnh Phú Thọ đến huyện L bẻ vải thiều thuê, N đã rủ những người này vượt biên sang Trung Quốc lao động, những người này nhất trí. Ngày 02/8/2015 dương lịch N thuê xe ô tô 12 chỗ ngồi đón các lao động ở ngã ba thôn A, xã T đưa đến cửa khẩu CM, huyện L, tỉnh Lạng Sơn rồi N liên lạc với M thuê M đưa N và các lao động vượt biên sang Trung Quốc bằng đường mòn. Sang đến Ái Điểm - Trung Quốc, M bắt xe ô tô đưa các lao động đến Ninh Minh rồi bắt ô tô đưa đến tỉnh Phúc Kiến, sau đó N đưa các lao động vào Công ty chế biến Hải Sản ở tỉnh Phúc Kiến làm cùng các lao động do N đưa đi ở chuyến thứ nhất và chuyến thứ 2. Chuyến này N được V trả công đưa lao động là 1.000NDT. Về chi phí chuyến này trước khi đi N thu của mỗi lao động 3.000.000 đồng, được tổng số tiền 30.000.000 đồng, N trả tiền thuê xe đến Lạng Sơn hết 1.200.000 đồng, toàn bộ số tiền còn lại N đưa cho M để M đưa vượt biên sang Trung Quốc và thuê xe đưa các lao động đến tỉnh Phúc Kiến.

Số lao động của ba chuyến trên làm việc ở Công ty chế biến Hải Sản có chị Tống Thị Đ sau khi sang làm được khoảng 2 tháng thì bị ốm được N bố trí đưa về Việt Nam, anh H1 và chị H2 làm được một thời gian do bố bị chết nên cũng về Việt Nam. Các lao động còn lại làm đến ngày 04/8/2015 thì bị Công an Trung Quốc kiểm tra bắt giữ khoảng 15 người Việt Nam trong đó có chị Nông Thị H5, Chúng Thị K, Bàn Thị T4, La Thị X, La Thị C, 05 lao động này bị đưa đi cải tạo đến tháng 10/2015 thì được Công an Trung Quốc trao trả về Việt Nam. Vợ chồng anh N1, chị H4 thấy thế cũng về Việt Nam, số lao động còn lại được

N bố trí đưa đến xưởng chế biến tôm tại tỉnh Phúc Kiến làm. Đến ngày 20/10/2015 âm lịch N thu tiền của các lao động đưa cho V để Vân bố trí đưa N và các lao động về Việt Nam.

Chuyến thứ 4: Sau khi về Việt Nam, N tình cờ gặp chị Diệp Thị M1, sinh năm 1965 ở cùng thôn, chị M1 lấy chồng người Trung Quốc và ở Trung Quốc, hiện chị M1 đang về nhà chơi. Chị M1 bảo N tìm rủ người đưa vượt biên sang Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc chặt mía thuê cho M1, lương ăn theo sản lượng mía chặt được, chi phí đi từ nhà đến Lạng Sơn lao động tự trả, còn từ Lạng Sơn sang Trung Quốc cả đi và về là 500NDT, nếu ai chưa có tiền M1 sẽ ứng ra khi nào có lương sẽ trả sau. M1 bảo N cứ đưa các lao động đến Lạng Sơn, M1 sẽ đón và đưa vượt biên sang Trung Quốc và M1 sẽ trả công cho N 1NDT/ bó mía mà người lao động thu hoạch được, N nhất trí. Sau đó N tìm rủ được 07 lao động, trong đó có 05 lao động đều ở xã T, huyện L gồm: Bàn Thị T4, sinh năm 1994 ở thôn T (hiện chị T4 lấy chồng về thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang); Cam Thị S, sinh năm 1970 ở thôn T; Dũng Thị T6, sinh năm 1981 ở thôn T; Lý Thị Q, sinh năm 1994 ở thôn Đ; Ngô Văn H, sinh năm 1982 ở thôn T; chị H3 là người yêu của H và một người tên V2 ở huyện L nhưng không rõ địa chỉ. Ngày 02/11/2015 âm lịch, N thuê xe ô tô đưa các lao động đến khu vực cửa khẩu CM, huyện L, tỉnh Lạng Sơn rồi gọi điện thoại cho chị M1 về đón đưa vượt biên sang Trung Quốc rồi bắt ô tô đi Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây chặt mía thuê. Về chi phí chuyến này khi các lao động sang Trung Quốc làm được trả tháng lương đầu tiên N thu của mỗi lao động 500NDT tiền xe đi và về đưa cho Moi.

Chuyến thứ 5: Trước khi đưa các lao động chuyến thứ 4 vượt biên sang Trung Quốc, N có gặp bà Phan Thị C1, sinh năm 1966 ở thôn TM, xã T, huyện L, N rủ bà C1 sang Trung Quốc chặt mía thuê và bảo bà C1 nếu có ai muốn đi thì bảo N để N tổ chức đưa đi. Khi N đưa các lao động ở chuyến thứ 4 sang Trung Quốc được một thời gian thì bà C1 điện báo có thêm 07 người đi, gồm: Lưu Thị M2, sinh năm 1972; Bùi Thị S1, sinh năm 1982; Chu Thị N4, sinh năm 1970; La Thị K1, sinh năm 1958; Trần Thị C2, sinh năm 1963; Cam Thị L2, sinh năm 1972; Leo Thị T7, sinh năm 1969 đều trú tại thôn TM, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. N bảo để N bố trí đưa đi, sau đó N gọi điện thoại rủ Dương Văn Y (tên gọi khác là M3, là em rể của N) rủ Y sang Trung Quốc chặt mía thuê, Y nhất trí. Khoảng giữa tháng 11/2015 âm lịch N thuê xe ô tô rồi nhờ Y đưa các lao động đến huyện L, tỉnh Lạng Sơn, còn N và M1 vượt biên về cửa khẩu CM. M1 đợi ở cửa khẩu CM còn N bắt xe đến huyện L, tỉnh Lạng Sơn đón Y và các lao động đến cửa khẩu CM để M1 đưa vượt biên sang Trung Quốc và đưa các

lao động đến Ninh Minh, tỉnh Quảng Tây chặt mía thuê cùng các lao động ở chuyến thứ 4. Các lao động làm được khoảng 1 tháng thì được M1 thanh toán tiền công, N thu của mỗi lao động 500NDT tiền xe đi và về đưa cho M1 để M1 bố trí đưa các lao động về Việt Nam. Trước khi đưa các lao động vượt biên về nước, N được M1 trả cho tiền công đưa lao động là 160NDT.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2017/HSST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài”.

Áp dụng khoản 2 Điều 275; điểm p, k khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Ngô Văn N 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn bị tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 26/7/2017 đến ngày 25/9/2017).

Ngoài ra bản án còn tuyên về vật chứng, tiền án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/11/2017, bị cáo Ngô Văn N nộp đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt với mức hình phạt như vậy là nặng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, việc bị cáo đưa lao động sang Trung Quốc là do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, bị cáo không biết đó là vi phạm pháp luật, chỉ nghĩ là đưa lao động đi là tạo điều kiện công ăn việc làm cho người khác mà không biết đó là vi phạm pháp luật. Người tố cáo bị cáo đưa lao động sang Trung Quốc cũng đã có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo, đã tự giác nộp tiền thu lời do phạm tội mà có và tiền án phí sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo nhưng đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo 3 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Văn N: Với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Trong thời gian năm 2015, Ngô Văn N đã tổ chức đưa 05 chuyến với 50 lượt người vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê để thu lợi bất chính số tiền 3.660NDT tương đương với số tiền 11.080.000 đồng. Án sơ thẩm đã căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Tổ chức người khác trốn đi nước ngoài” với tình tiết tăng nặng định khung “phạm tội nhiều lần”, theo khoản 2 Điều 275 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N thấy:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ văn hóa thấp (lớp 01/12), sống ở vùng cao có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, hiểu biết pháp luật hạn chế; được người mà bị cáo đưa đi lao động ở Trung Quốc xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đó là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p, k khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999, án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới áp dụng cho bị cáo ở khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự: “bị cáo tự giác nộp 11.280.000 đồng tiền thu lời do phạm tội mà có và tiền án phí sơ thẩm”. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, động cơ phạm tội một phần cũng muốn giúp đỡ người lao động có công ăn việc làm, hiểu biết pháp luật hạn chế, các lao động mà bị cáo đưa đi sang Trung Quốc làm ăn cũng đã được đưa về nước, ở cấp phúc thẩm có tình tiết mới nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và chấp nhận kháng cáo giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có nhân thân xấu nên không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[4]. Án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N và sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 275; điểm p, k khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Ngô Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2017 đến ngày 25/9/2017.

[2] Xác nhận bị cáo đã nộp 11.280.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn (theo Biên lai thu tiền số AA/2015/ 0001911 và Biên lai thu tiền số AA/2015/ 0001910 cùng ngày 20/12/2017).

[3] Về án phí: Bị cáo Ngô Văn N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS,TA,CA cấp sơ thẩm;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án;
- Lưu HS, TT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Quang Dũng

